

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 09/2016/KDTM-GĐT

Ngày 20/5/2016

V/v tranh chấp thành viên công ty

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

Với Hội đồng giám đốc thẩm thẩm gồm có mười một thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Hòa Bình, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm Chủ tọa phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa là ông Phương Hữu Oanh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa là bà Nguyễn Thị Hà, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

Ngày 20/5/2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao, đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại “Tranh chấp thành viên công ty” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lin Chung N; trú tại số 8F, đường F, quận S, thành phố T, Đài Loan (địa chỉ tạm trú tại Việt Nam: Cao ốc T, đường Đ, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh); do ông Phan T, trú tại 17 đường D, phường T, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh - đại diện theo ủy quyền.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Chí H, sinh năm 1978, trú tại số 359 đường Đ, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 183 ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre).

**NHẬN THẤY:**

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/7/2012, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn thì:

- Ngày 14/01/2010, ông Lin Chung N với tư cách Chủ tịch Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và ông Chu Shao C, bà Ngô Thị L (Bên A) đã ký Biên bản hợp tác đầu tư dự án chung cư 4.881m<sup>2</sup> đường L, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh với ông Bùi Chí H - đại diện Công ty cổ phần xây dựng thương mại đầu tư V (gọi tắt là Công ty V - Bên B), có nội dung: hai bên đồng ý thành lập công ty mới có tên dự kiến là Công ty H, trong đó ông Lin Chung N hoặc đại diện của ông Lin giữ tỷ lệ 80% vốn điều lệ Công ty mới và vốn đầu tư dự án chung cư; ông Bùi Chí H giữ 20% vốn điều lệ và vốn đầu tư dự án chung

cur... (Biên bản này là bản sao không có công chứng, có chữ ký của ông Bùi Chí H, đóng dấu Công ty V, nhưng chỉ có chữ ký của ông Lin Chung N - đại diện bên A, không có chữ ký của các ông Chu Shao C và bà Ngô Thị L).

Ngày 28/01/2010, ông Bùi Chí H có văn bản gửi Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị đăng ký kinh doanh công ty TNHH hai thành viên trở lên đối với Công ty TNHH đầu tư H, danh sách thành viên Công ty gồm 02 người là bà Huỳnh Thị Kim B (góp vốn 80%) và ông Bùi Chí H (góp vốn 20%).

Ngày 01/02/2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty TNHH đầu tư H gồm 02 thành viên là Huỳnh Thị Kim B và Bùi Chí H.

- Ngày 02/02/2010, ông Lin Chung N, với tư cách đại diện cho Công ty F, địa chỉ Bristish Virgin Islands (Bên A) và ông Bùi Chí H - đại diện Công ty cổ phần xây dựng thương mại đầu tư V (Bên B) ký Hợp đồng liên doanh đầu tư số 01/10/HTLDĐT-VM (về việc đầu tư dự án chung cư 4881m<sup>2</sup>). Nguyên tắc hợp tác dựa trên những thỏa thuận mà hai bên đã thống nhất tại Biên bản hợp tác đầu tư đã ký ngày 14/01/2010 giữa ông Lin Chung N và Công ty V. Hai bên thống nhất thành lập một Công ty TNHH để thực hiện xin thủ tục pháp lý là điều hành dự án khi hình thành. Công ty này tạm gọi là “Công ty TNHH đầu tư H”. Bên A là pháp nhân hình thành trên cơ sở Luật của nước ngoài; bên B là pháp nhân hình thành trên cơ sở Luật của Việt Nam. Vốn điều lệ Công ty mới là 100 tỷ đồng; trong đó Bên A chiếm tỷ lệ góp vốn 80%, bên B chiếm tỷ lệ góp vốn 20% cổ phần vốn điều lệ...

Về giá trị hợp đồng và góp vốn điều lệ: Tổng giá trị đất được hai bên thống nhất định giá là 84.300.000.000 đồng. Giá trị này không thay đổi dù giá đất lên hay xuống và không liên quan đến việc bên B mua đất của chủ đất với bất cứ giá trị nào... Tổng giá trị đất được chia theo tỷ lệ: Bên A chiếm 80% tổng giá trị đất tương ứng 67.440.000.000 đồng; bên B chiếm 20% tổng giá trị đất tương ứng 16.860.000.000 đồng.

Bên A góp vốn sở hữu quyền sử dụng đất chia làm 2 đợt: Đợt 1 ngay sau khi ký kết Hợp đồng liên doanh đầu tư bên A chuyển khoản cho bên B 5.000.000.000 đồng; Đợt 2: ngay sau khi bên B hoàn thành thủ tục công chứng sang tên sở hữu quyền sử dụng đất cho Công ty mới thì bên A góp vốn đủ 80% giá trị đất (trừ đi phần đặt cọc đã góp vốn đợt 1).

Bên B góp vốn sở hữu quyền sử dụng đất chia làm 1 đợt: Ngay khi chủ quyền đất được xác lập cho công ty mới đồng nghĩa với việc bên B hoàn thành góp vốn điều lệ trên giá trị đất tương ứng với 16.860.000.000 đồng; Phần vốn góp giá trị quyền sử dụng đất của bên B không thể hiện bằng tiền mặt mà nằm trong 20% giá trị đất do hai bên thống nhất.

Toàn bộ số tiền góp vốn của bên A và B bao gồm phần góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tiền mặt, trong đó: Bên A chiếm 80% cổ phần vốn điều lệ tương ứng với 80.000.000.000 đồng bao gồm 80% giá trị đất đã có sở hữu quyền

sử dụng đất tương ứng với 67.440.000.000 đồng và phần tiền mặt 12.560.000.000 đồng... Bên B chiếm 20% cổ phần vốn điều lệ tương ứng với 20.000.000.000 đồng bao gồm 20% giá trị đất đã có sở hữu quyền sử dụng đất tương ứng với 16.860.000.000 đồng và phần tiền mặt 3.140.000.000 đồng.

Đối với các tài liệu thành lập Công ty mới và tiến hành dự án, Bên B yêu cầu Bên A cung cấp, Bên B sẽ thông báo cho Bên A bằng văn bản chậm nhất là 07 ngày làm việc, Bên A có trách nhiệm hoàn thành. Bên B thực hiện toàn bộ những thủ tục dưới đây bằng chi phí của mình như: các thủ tục thành lập Công ty mới; hoàn thành đóng các khoản thuế và các chi phí như thuế trước bạ khi chuyển tên đăng bộ sang tên cho Công ty mới, đóng thuế chuyển quyền sử dụng đất khi công chứng, đóng thuế chuyển đổi công năng đất sang đất ở theo tỷ lệ phê duyệt của cơ quan chức năng.

Sau 15 ngày kể từ ngày Công ty mới thành lập, Bên B phải hoàn thành thủ tục chuyển tên đất thành tài sản của Công ty mới. Quá thời hạn trên xem như Bên B vi phạm hợp đồng, Bên A không tiếp tục đầu tư. Bên B phải trả lại toàn bộ số tiền nhận của đợt 1 và bồi thường một khoản tiền tương ứng như đợt 1. Đồng thời hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng liên doanh đã ký (Điều 11).

Ngày 08/02/2010, ông Lin Chung N đã nộp vào Công ty H 5.000.000.000 đồng.

Ngày 25/02/2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty H Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất gồm 02 thành viên là ông Lin Chung N góp vốn điều lệ 80.000.000.000 đồng và ông Bùi Chí H góp 20.000.000.000 đồng; ông H là người đại diện theo pháp luật của Công ty với chức danh Giám đốc.

Theo trình bày của ông N thì sau khi được cấp giấy phép, tính từ ngày 08/02/2010 đến ngày 31/3/2011, ông N đã nộp vào tài khoản công ty tổng số tiền là 100.500.000.000 đồng, thể hiện qua các chứng từ Ngân hàng Đ và các phiếu thu có chữ ký xác nhận của ông H. Ông N đã nộp dư 20.500.000.000 đồng là tiền ông N cho Công ty mượn để triển khai dự án do ông H chưa góp vốn.

Ông N cho rằng ông H chưa góp vốn đủ 20.000.000.000 đồng do diện tích 4.881,1 m<sup>2</sup> đất tọa lạc lại phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, tương ứng với số tiền 16.860.000.000 đồng theo hợp đồng liên doanh đầu tư, hiện nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty H, hơn nữa hợp đồng liên doanh không liên quan đến việc góp vốn giữa ông N và ông H vì chủ thể ký kết hợp đồng liên doanh là hai pháp nhân chứ không phải là cá nhân ông N và ông H.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H thực hiện nghĩa vụ góp vốn đã đăng ký là 20.000.000.000 đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Tòa án xét xử yêu cầu của bên kiện; quá thời hạn 30 ngày nêu trên, nếu ông H không thực hiện việc góp vốn thì Công ty H có quyền tiến hành tiếp nhận thành viên mới để góp bù số tiền ông H không góp nhằm đẩy nhanh tiến độ đầu tư cho dự án và ông H không còn là thành viên của Công ty; hoàn trả giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty; xác định ông N đã góp đủ số tiền 80.000.000.000 đồng vào

Công ty H; xác định ông H chưa góp bất kỳ đồng vốn nào vào Công ty do ông H chưa hoàn thành các thủ tục xác định chủ quyền đất theo Hợp đồng liên doanh đầu tư ngày 02/02/2010.

Bị đơn trình bày:

Việc thành lập Công ty H đúng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu kiện của nguyên đơn. Bị đơn đã góp được 16.860.000.000 đồng theo như Hợp đồng liên doanh đầu tư ngày 02/02/2010 đã ký. Cụ thể đã thực hiện xong việc công chứng mua 4.881,1 m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại đường L, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty. Bị đơn chưa tiến hành xong các thủ tục để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất trên cho Công ty H do nguyên đơn đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên bán. Số tiền góp vốn còn thiếu là 3.140.000.000 đồng, bị đơn sẽ tiếp tục góp với điều kiện nguyên đơn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên bán để bị đơn thực hiện tiếp thủ tục đất đai. Bị đơn thừa nhận Công ty H có nhận của ông N số tiền 100.500.000.000 đồng trong đó 80.000.000.000 đồng là tiền góp vốn, 20.500.000.000 đồng là tiền làm ăn riêng của ông N.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 1306/2012/KDTM-ST ngày 30/8/2012, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lin Chung N.

Buộc bị đơn - ông H phải thực hiện góp vốn 20% tương đương với giá trị 20.000.000.000 đồng đúng theo như phần vốn góp ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309779945 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH đầu tư H (đăng ký thay đổi lần 1 ngày 25/02/2010). Thời gian thực hiện góp vốn là 1 tháng. Hạn cuối ngày 30/9/2012...

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/9/2012, ông H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2012/KDTM-PT ngày 25/12/2012, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Sửa một phần quyết định án sơ thẩm: Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lin Chung N.

Buộc bị đơn - ông Bùi Chí H phải thực hiện góp vốn 20% tương đương với giá trị 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng). Thời gian thực hiện góp vốn là 01 tháng. Hạn cuối cùng ngày 30/9/2012.

Sau thời hạn cam kết lần cuối mà ông Bùi Chí H chưa góp đủ số vốn đã cam kết, thì số vốn chưa góp được xử lý theo điểm a, b và c khoản 3 Điều 39 Luật doanh nghiệp 2005...

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 09/8/2013, ông Bùi Chí H có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 63/2015/KN-KDTM ngày 23/12/2015, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2012/KDTM-PT ngày 25/12/2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 1306/2012/KDTM-ST ngày 30/8/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận Kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

### **XÉT THẤY:**

Ngày 14/01/2010 ông Lin Chung N và ông Bùi Chí H ký kết Biên bản hợp tác đầu tư có nội dung thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư H (sau đây viết tắt là Công ty H). Sau khi Công ty H được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 01/02/2010, hai bên tiếp tục ký Hợp đồng liên doanh đầu tư ngày 02/02/2010. Tuy ông Lin Chung N ký Biên bản hợp tác đầu tư và Hợp đồng liên doanh đầu tư nêu trên với tư cách khác nhau, cụ thể: tại Biên bản hợp tác đầu tư ngày 14/01/2010 ông Lin Chung N ký kết với tư cách cá nhân (Chủ tịch Ngân hàng thương mại cổ phần Đ); tại Hợp đồng liên doanh đầu tư ngày 02/02/2010, ông Lin Chung N tham gia với tư cách đại diện cho Công ty FIL (Bên A), còn ông Bùi Chí H với tư cách đại diện cho Công ty cổ phần xây dựng thương mại V (Bên B), nhưng nội dung các văn bản này đều thỏa thuận về việc thành lập Công ty H và hợp tác đầu tư dự án chung cư 4.881m<sup>2</sup> đường L, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Điều 6 Hợp đồng liên doanh đầu tư ngày 02/02/2010, các bên thỏa thuận về giá trị hợp đồng và góp vốn điều lệ: Tổng giá trị đất được hai bên thống nhất định giá là 84.300.000.000 đồng. Giá trị này không thay đổi dù giá đất lên hay xuống và không liên quan đến việc bên B mua đất của chủ đất với bất cứ giá trị nào. Tổng giá trị đất được chia theo tỷ lệ: Bên A chiếm 80% tổng giá trị đất tương ứng 67.440.000.000 đồng; bên B chiếm 20% tổng giá trị đất tương ứng 16.860.000.000 đồng... Ngay sau khi chủ quyền đất xác lập cho Công ty mới đồng nghĩa với việc bên B hoàn thành góp vốn điều lệ trên giá trị đất tương ứng với 16.860.000.000 đồng; phần vốn góp giá trị quyền sử dụng đất của bên B không thể hiện bằng tiền mặt mà nằm trong 20% giá trị đất do hai bên thống nhất.

Toàn bộ số tiền góp vốn của bên A và bên B bao gồm phần góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tiền mặt, trong đó: ... Bên B chiếm 20% cổ phần vốn điều lệ tương ứng với 20.000.000.000 đồng bao gồm 20% giá trị đất đã có sở hữu

quyền sử dụng đất tương ứng với 16.860.000.000 đồng và phần tiền mặt 3.140.000.000 đồng...

Như vậy, theo thỏa thuận nêu trên thì phần vốn góp của hai bên bao gồm cả tiền mặt và quyền sử dụng đất. Hai bên thực tế đã thực hiện một số nội dung trong Hợp đồng liên doanh đầu tư ngày 02/02/2010 như: ông Lin Chung N đã nộp vào tài khoản Công ty H tổng số tiền 100.500.000.000 đồng (ông Bùi Chí H công nhận). Còn ông Bùi Chí H cũng đã thực hiện một số công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng như làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 4.881m<sup>2</sup> đất tại đường L cho Công ty H.

Theo ông H trình bày thì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất này đã làm hợp đồng công chứng nhưng ông H không thể làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho Công ty H được vì ông Lin Chung N giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên bán; ngoài ra ông H còn thực hiện một số công việc khác theo thỏa thuận liên quan đến dự án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa xem xét làm rõ phần việc ông H đã làm được, những phần việc chưa làm được theo thỏa thuận của hai bên? trách nhiệm thuộc về ai? Dự án hợp tác đầu tư dự án chung cư 4.881m<sup>2</sup> đường L, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh có thực hiện được không? số tiền thực tế ông Lin Chung N góp vào công ty Hạnh Mỹ có đúng là 100.500.000.000 đồng không? số tiền này được thực hiện vào việc gì? ông H không làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho Công ty H có phải vì ông Lin Chung N giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên bán không?... từ đó mới xác định ông H đã góp vốn vào công ty được bao nhiêu để làm căn cứ xem xét, giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông H phải góp đủ số vốn 20.000.000.000 đồng là chưa đủ căn cứ.

Ngoài ra, theo Điều 11 của Hợp đồng liên doanh đầu tư ngày 02/02/2010 thì “sau 15 ngày kể từ ngày công ty mới được thành lập. Bên B phải hoàn thành thủ tục chuyển tên đất thành tài sản của công ty mới. Quá thời hạn trên xem như bên B vi phạm hợp đồng, Bên A không tiếp tục đầu tư. Bên B phải trả lại toàn bộ số tiền nhận của đợt 1 và bồi thường một khoản tiền tương ứng như đợt 1. Đồng thời hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng liên doanh đã ký”. Kèm theo đơn đề nghị giám đốc thẩm, ông H xuất trình bản pho to Hợp đồng liên doanh đầu tư số 01/09/HĐLĐT-HM ngày 19/9/2011, Phụ lục số 1 Hợp đồng liên doanh đầu tư số 01/09/HĐLĐT-HM ngày 19/9/2011 giữa ông Lin Chung N và ông Bùi Chí H... Nếu có bản Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng này thì thỏa thuận nêu trong Điều 11 của Hợp đồng liên doanh đầu tư ngày 02/02/2010 không còn ý nghĩa nữa. Do đó, khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần thu thập chứng cứ để làm rõ giá trị pháp lý của các tài liệu này, đảm bảo giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên, căn cứ vào khoản 3 Điều 291, khoản 3 Điều 297, Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011; khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số

81/2014/QH13 ngày 24/11/2014 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Chấp nhận Kháng nghị số 63/2015/KN-KDTM ngày 23/12/2015 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2012/KDTM-PT ngày 25/12/2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 1306/2012/KDTM-ST ngày 30/8/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án tranh chấp thành viên công ty giữa nguyên đơn là ông Lin Chung N với bị đơn là ông Bùi Chí H.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDTC (Vụ 10 để báo cáo Viện trưởng);
- TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Hồ Chí Minh  
(kèm theo hồ sơ vụ án);
- Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, VP, Vụ GDKT II (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN  
CHÁNH ÁN  
(đã ký)**

**Nguyễn Hòa Bình**